TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HSST
Ngày 22-6-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH SƠN LA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mùa Thị Mỷ và ông Đỗ Tiến Hiệt.

-Thư ký phiên toà: Ông Lường Văn Dục, Thư ký Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2021/TLST-HS ngày 27/5/2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐXXST-HS ngày 11/6/2021 đối với bị cáo:

Quàng Văn T, sinh năm 1964, trú tại: Bản N, xã V, huyện Y, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quàng Văn C và bà Lừ Thị C, có vợ là Lừ Thị L và 03 con, con lớn sinh năm 1986, con nhỏ sinh 1992;

- Nhân thân: Ngày 01/02/1985 bị TAND huyên Y xử phạt 5 tháng tù giam về tội mua bán , tàng trữ vũ khí trái phép . Tính tới thời điểm thực hiện hành vi phạm tội ngày 07/3/2021 đã được xóa án tích.

- Tiền án: Không

- Tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/3/2021 đến nay "có mặt".

Người bị hại: Ông Hoàng Văn C, sinh năm 1964, trú tại Bản M, xã V, huyện Y, tỉnh Sơn La " có mặt ".

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lừ Văn N, sinh năm: 1977; địa chỉ: bản T, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La. "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quàng Văn T và Hoàng Văn C, trú tại bản M, xã V, huyện Y, tỉnh Sơn La có quan hệ quen biết lâu dài và có lán nương và chăn thả gia súc tại khu nương "Nong Vai" khu vực giáp ranh giữa bản N và bản M, xã V. Ngày 07/3/2021 C sang nhờ T lên lán nương cho trâu, bò của C uống nước. Khoảng 9 giờ cùng ngày Thắng đi lên khu chăn thả gia súc của C. Quan sát không thấy có ai nên T nảy sinh ý định trộm bò mang bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. T quan sát thấy gần khu vực hàng rào bị đổ có 01 con bò đực, lông màu vàng đen nâu đang ăn cỏ, T đi về phía con bò, cầm dây thừng dắt con bò đi qua chỗ hàng rào bị đổ.

T gọi điện thoại từ số 0327.965.963 của T đến số điện thoại 0389.651.965 của Lừ Văn N– Sinh năm: 1977 trú tại: bản T, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La là người chuyên mua bán trâu bò. T nói với N gia đình đang thiếu tiền làm nhà nên có bò muốn bán. N nói T dắt bò đến rồi N xem bò sẽ trả giá.

T dắt con bò đi theo đường mòn sang bản T, xã C. Do đường đi khó, một mình T không dắt được bò, T gọi điện cho N và nói N lên giúp. N gặp T tại ngã ba bản T, xã C khu vực nương cao su. Tại đây N đồng ý mua con bò với giá 20.000.000 đồng, T đồng ý, N đưa 20.000.000 đồng cho T gồm 40 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng. N dắt bò về bản T, còn T cầm tiền đi theo đường cũ về lán nương. Tại lán nương T dùng 01 túi nilon màu xanh bọc số tiền lại rồi cất giấu tại gốc cây dâu rừng bị đổ cách lán nương của T khoảng 300m, sau đó đi về nhà và không quay lại lán nương nữa.

Đến ngày 12/3/2021 T được cơ quan CSĐT Công an huyện Y triệu tập đến làm việc. T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Y 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, bên trong điện thoại có sim số 0327.965.963 đã qua sử dụng.

Hồi 10 giờ ngày 13/3/2021 cơ quan CSĐT Công an huyện Y đã truy tìm vật chứng số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu đồng). Số tiền T bán bò cho Lừ Văn N, Kết quả: không tìm thấy số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu đồng) mà Quàng Văn T đã cất giấu.

Hồi 11 giờ ngày 13 tháng 3 năm 2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Y, tỉnh Sơn La đã tiến hành khám nghiệm xác định hiện trường vụ trộm cắp tài sản (01 con bò đực). Hiện trường được xác định là khu đất nương của Hoàng Văn C thuộc địa phận xã V, huyện Y, cách khu dân cư bản N, xã V khoảng 4 km về hướng Bắc, có tổng diện tích 2ha được rào xung quanh bằng tre và trồng cây làm hàng rào, bên trong khu đất nương có 1 lán nhà sàn bằng gỗ rộng 30m^2 và nhà kho ở hướng Đông Bắc, toàn bộ khu đất nương được sử dụng vào việc trồng ngô và cây ăn quả, khoanh vùng chăn thả rông gia súc, gia cầm ở hướng Đông Nam.

Hiện trường cụ thể: là tại khu đất nương trồng cây ngô đã thu hoạch xong của gia đình Hoàng Văn C. Phát hiện tại khu hàng rào hướng Tây Nam giáp với đường dân sinh bị đổ theo hướng vào bên trong khu đất nương , độ dài hàng rào bị đổ là 2,5m. Quá trình khám nghiệm không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Ngày 15 tháng 3 năm 2021 cơ quan CSĐT Công an huyện Y yêu cầu định giá tài sản, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tiến hành định giá tài sản là: 01 con bò đực lông màu đen nâu được 5 tuổi, vòng ngực 1,5m độ dài thân chéo là 1,2m, có khối lượng 243kg, giá trị thực tế của con bò tại thời điểm bị mất ngày 7/3/2021 là bao nhiêu tiền. Tại bản kết luận định giá tài sản trong Tố tụng hình sự số: 02/ĐGTS ngày 16/3/2021 của Hộiđồngđịnh giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Y kết luận: Tại thời điểm ngày 7/3/2021, giá trị thực tế của con bò có đặc điểm nêu trên có giá trị 24.300.000 đồng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Quàng Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố, hành vi của bị cáo Quàng Văn T có đủ yếu tố cấu thành tội: Trộm cắp tài sản.

Về vật chứng vụ án:

-01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, bên trong điện thoại có sim số 0327.965.963 đã qua sử dụng.

Đối với Lừ Văn N và Nguyễn Văn T là người đã mua lại con bò do Quàng Văn T lấy trộm của Hoàng Văn C. Tuy nhiên việc T lấy trộm bò N và T không biết, việc mua bán được thỏa thuận tự nguyên theo giá cả thị trường nên không đề cập đến việc xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình Quàng Văn T đã bồi thường cho Hoàng Văn C tiền công truy tìm là 3.500.000 đồng, đã trả lại cho Lừ Văn N số tiền 20.000.000 đồng. Lừ Văn N đã trả lại cho Nguyễn Văn T số tiền 22.000.000 đồng. Hoàng Văn C , Lừ Văn N, Nguyễn Văn T không có ý kiến , đề nghị gì thêm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản nêu trên của Hội đồng định giá tài sản huyện Y, tỉnh Sơn La.

Tại cáo trạng số: 24/KSĐT- KT ngày 26/5/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố bị cáo Quàng Văn T ra xét xử trước Tòa án nhân dân huyện Y về tội: Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự. Trước Tòa vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố của Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Quàng Văn T từ 16 đến 22 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội: Trộm cắp tài sản. Thời gian thử thách từ 32 tháng đến 44 tháng.

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

- Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015: Đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel , bên trong điện thoại có sim số 0327.965.963 đã qua sử dụng.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị chấp nhận việc bị cáo và gia đình bị cáo đã bồi thường cho Hoàng Văn C tiền công truy tìm là 3.500.000 đồng, đã trả lại cho Lừ Văn N số tiền 20.000.000 đồng. Lừ Văn N đã trả lại cho Nguyễn Văn T số tiền 22.000.000 đồng.

Về án phí: Đề nghị tòa buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bị hại ông Hoàng Văn C, người có quyền lợi liên quan trong vụ án anh Lừ Văn N trình bày: Các đương sự đều xác định đã nhận đủ số tiền do bị cáo bồi thường và hoàn lại nên không đề nghị gì thêm về phần bồi thường dân sự, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dụng vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan và người tiến hành tố tung: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Quàng Văn T giữ nguyên lời khai của mình tại cơ quan điều tra Công an huyện Y, bị cáo không thay đổi, bổ sung nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án, bị cáo hoàn toàn nhất trí với hành vi phạm tội mà bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã nêu.

Xét thấy lời khai của bị cáo hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội, phù hợp với kết quả của Hội đồng định giá tài sản, lời khai

của bị hại trong vụ án và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để khẳng định:

Bị cáo Quàng Văn T là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng phân biệt được hành vi của mình thực hiện như thế nào là đúng, như thế nào là sai, biết rõ được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, nhưng T đã bất chấp pháp luật, lợi dụng sự sơ hở trong quản lý, bảo vệ tài sản của chủ sở hữu là ông Hoàng Văn C. T đã lén lút chiếm đoạt được 01 con bò của ông C bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi trên đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 02/ĐGTS ngày 16/3/2021 của Hội đồng định giá kết luận: 01 con bò đực lông màu vàng đen nâu được 5 năm tuổi, vòng ngực 1,5m, độ dài thân chéo là 1,2m, có khối lượng 243kg, giá trị thực tế của con bò tại thời điểm bị mất ngày 7/3/2021 có giá trị 24.300.000 đồng

Hành vi chiếm đoạt con bò trị giá 24.300.000 đồng của bị cáo Quàng Văn T đã phạm tội trộm cắp tài sản, phạm vào khoản 1 Điều 173 BLHS 2015, khoản 1 điều 173 quy định: *" Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm ".*

Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La truy tố bị cáo T ra xét xử trước Tòa án nhân dân huyện Y về tội trộm cắp tài sản là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo là người có hiểu biết, có nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, hành vi lợi dụng sự sơ hở của chủ tài sản, chủ sơ hữu tài sản vắng nhà, xung quanh không có ai. T đã lén lút chiếm đoạt tài sản (Con bò đực) của Hoàng Văn C như vậy là trái pháp luật, bị pháp luật ngăn cấm, nhưng do thích hưởng thụ mà không muốn lao động, thiếu suy nghĩ trước khi hành động dẫn đến phạm tội. Bị cáo phạm tội không có sự chuẩn bị trước, nhưng khi nẩy sinh ý định phạm tội đã thực hiện tội phạm đến cùng. Bị cáo phạm tội đã làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội ở địa phương, gây lo lắng bất bình trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an xã hội ở địa phương.

Đối với mức độ phạm tội của bị cáo đã nêu trên, cần có mức phạt thỏa đáng với hành vi vi phạm mà bị cáo đã gây ra. Để có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo cần xem xét về nhân thân, tình tiết tăng năng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo T bị Tòa án xét xử về tội mua bán, tàng trữ vũ khí trái phép vào năm 1985, đến nay đã 36 năm. Khi mãn hạn tù về địa phương, bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước, là người cựu chiến binh gương mẫu được huyện, xã tặng nhiều giấy khen đã có thành tích trong công tác Hội cựu chiến binh.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào quy định trong Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đều thể hiện bị cáo T có nhân thân tốt, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình, cần áp dụng đối với bị cáo. Ngoài ra bị cáo còn được chính quyền xã xác nhận đề nghị và người bị hại cũng có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương. Bản thân bị cáo là người có thành tích trong công tác Hội cựu chiến binh, là cựu chiến binh gương mẫu được huyện, xã tặng nhiều giấy khen. Đây là tình tiết khác được coi là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51của Bộ luật hình sự năm 2015.

Căn cứ vào nhân thân bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ nêu trên, việc đưa bị cáo đi cách ly khỏi xã hội là không cần thiết mà cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương có sự giám sát, quản lý của chính quyền địa phương nơi cư trú của bị cáo là thỏa đáng.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 BLHS quy định: *" Người nào phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"*. Căn cứ vào biên bản xác minh tài sản do Công an huyện Y lập ngày 16/3/2021 cũng như lời trình bày của bị cáo trước phiên tòa, bị cáo không có tài sản gì, do đó cần miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[4] Về vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra, cơ quan Điều tra đã thu giữ những vật chứng sau:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel , bên trong điện thoại có sim số 0327.965.963 đã qua sử dụng. Đây là điện thoại của bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu hồi và hoàn trả cho người bị hại số tài sản do bị cáo T chiếm đoạt, ngoài ra bị hại đã nhận đủ số tiền công truy tìm do bị cáo bồi thường. Bị cáo cũng đã trả tiền bán con bò cho người có quyền lợi liên quan anh Lừ Văn N, anh N đã hoàn trả số tiền bán bò cho anh T. Tại phiên tòa người bị hại và các đương sự khác không yêu cầu đề nghị gì thêm nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 điều 23 nghị quyết số 326/216 /UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 bị cáo Quàng Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015.

1.Tuyên bố bị cáo Quàng Văn T phạm tội trộm cắp tài sản

Xử phạt: Quàng Văn T 18 (Mười tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 36 tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (Ngày 22/6/2021). Giao bị cáo Quàng Văn T cho UBND xã V theo dõi, quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo (Quàng Văn T) thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 luật thi hành án hình sự.

"Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật này".

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Quàng Văn T.

2.Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc bị cáo Quàng Văn T đã bồi thường cho Hoàng Văn C tiền công truy tìm là 3.500.000 đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng); đã trả lại cho Lừ Văn N số tiền 20.000.000 đ (Hai mươi triệu đồng).

3.Về Vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel , bên trong điện thoại có sim số 0327.965.963 đã qua sử dụng.

4.Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 135, điểm a khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 điều 23 nghị quyết số 326/216 /UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Quàng Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn đồng).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/6/2021) bị cáo Quàng Văn T, Bị hại ông Hoàng Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lừ Văn N được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKS huyện Y;
- Chi cục THA huyệnY;
- Công an huyện Y;
- UBND xã V;
- Bị cáo;
- Người bị hại;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Hoàng Văn Bình

- Người có liên quan;
- Lưu hồ sơ;